

Bản án số: 13/2018/HS-ST
Ngày: 20-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Chung.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông Trần Thành Hiệp
 - + Bà Trần Thị Quế Minh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Tú Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2017/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Cao Văn D, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Ấp Trung Thành, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cao Văn D (sống) và bà Phạm Thị C (chết)

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

-Người bị hại:

1/-Trần Văn Nh, sinh năm 1962. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Bình Hòa, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

2/-Bà Huỳnh Thị Cẩm B, sinh năm 1959 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Long Hòa 2, xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cao Thị Huệ, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Ấp Trung Thành, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

**Người làm chứng:*

1/- Nguyễn Thị Kim Hsinh năm 1984

Nơi cư trú: Ấp Hòa Phú 2, Thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

2/- Huỳnh Thanh Ph, sinh năm 2000

Nơi cư trú: Ấp Trung Thành, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 06/01/2018, Trần Văn Nh điều khiển xe mô tô biển số 68D1-382.96, trên xe có chở 01 nắp xi-láp, 01 poly, 01 nhôm mặt nạ máy cày đến quán “Ngọc Hương” của bà Trần Thị Cẩm B tại ấp Bình Phú 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Nh đậu xe trước quán nhưng không rút chìa khóa xe rồi đi vô trong quán ngồi cách chỗ xe đậu khoảng 7m và có một vách ngăn khuất tầm nhìn. Lúc này, Cao Văn D đang nằm võng trước quán cách chỗ xe anh Nh đậu khoảng 3m, thấy trên xe còn ghim chìa khóa nên nảy sinh ý định trộm xe đem đi giấu và sau đó kêu anh Nh đưa tiền chuộc. D quan sát không ai trông xe nên lén lút dẫn xe chạy về hướng Long Xuyên, khi đến khu vực Phòng khám đa khoa thị trấn An Châu thuộc ấp Hòa Phú 4, thị trấn An Châu huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thì D gởi xe tại nhà xe của Phòng khám. Sau đó D thuê xe ôm chở quay về quán. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày bà B phát hiện xe của N cùng với một số phụ tùng máy cày trên xe bị mất trộm và trình báo Công an. Khoảng 7 giờ ngày 07/01/2018 D nói với Nh là có quen biết đại ca xã hội đen nhờ tìm xe nhanh hơn nên Nh đồng ý, D bỏ đi ra ngoài khoảng 1 giờ thì D quay lại nói với Nh là đã nhờ người tìm được xe của Nh và kêu Nh đưa 15.000.000đ để chuộc xe, Nh đồng ý. Đến 18 giờ cùng ngày D điều khiển xe mô tô biển số 67H3-5384 chở Nh đến quán cà phê “Ph Vy” thuộc phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang để nhận xe và Nh đưa cho D 15.000.000đ tiền chuộc. Sau khi nhận được tiền D đưa chìa khóa và phiếu gởi xe cho Nh cùng đến Phòng khám đa khoa khu vực thị trấn An Châu để lấy xe. Ngày 8/01/2018 Công an xã Bình Hòa chuyển tang vật đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện Châu Thành giải quyết theo thẩm quyền, qua làm việc Duyên khai nhận hành vi phạm tội của mình.

-Tang vật, vật chứng thu được:

Một xe mô tô biển số 68D1-382.96, nhãn hiệu YAMAHA, loại XCITER, màu đỏ - đen, số máy G3D4E434506, số khung 0610HY414595; 03 (ba) bộ phận máy cày gồm 01 nắp xi-láp, 01 poly, 01 nhôm mặt nạ máy cày, tất cả điều đã qua sử dụng (đã trả cho bị hại)

Tiền Việt Nam: 15.000.000đ đã trả cho anh Nh 10.000.000đ, trả cho bà Cẩm B 5.000.000đ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa:

- Bị cáo Cao Văn D đã thừa nhận: Vào khoảng 18 giờ ngày 06/01/2018, bị cáo đang nằm trên võng tại quán “Ngọc Hương” thì Trần Văn Nh vào quán của bà Trần Thị Cẩm B đậu xe biển số 68D1-382.96, trên xe có chở 01 nắp xi-láp, 01 poly, 01 nhôm mặt nạ máy cày, Nh đậu xe trong quán nhưng không rút chìa khóa xe rồi vào trong quán ngồi cách xe khoảng 7m và có vách ngăn nên khuất tầm nhìn chiếc xe, bị cáo thấy xe không có người trông và chìa khóa còn ghim trên xe nên nảy sinh ý định trộm xe của Nh đi giấu, sau đó bị cáo kêu Nh đưa tiền chuộc xe. Bị cáo lấy xe của anh Nh chạy về hướng Long Xuyên tìm nơi cất giấu. Khi đến Phòng khám Đa khoa khu vực thị trấn An Châu, thuộc ấp Hòa Long 4, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành bị cáo gửi xe tại nhà xe, sau khi gửi xe xong bị cáo thuê xe ôm trở lại quán bà B nằm. Khoảng 19 giờ 30 phút bà B phát hiện xe và các phụ tùng máy cày để trên xe của anh Nh bị mất trộm và trình báo Công an xã Bình Hòa. Đến 7 giờ ngày 07/01/2018 bị cáo nói với anh Nh là có quen biết đại ca là xã hội đen tìm xe nhanh hơn nên anh nh đồng ý, sau đó bị cáo ra ngoài một lúc rồi quay lại nói với anh Nh là đã nhờ người tìm được xe và người đó đòi chuộc xe 15.000.000đ, anh Nh đồng ý chịu 10.000.000đ và kêu bà Cẩm B hùn tiếp 5.000.000đ, đến 18 giờ ngày 07/01/2018, bị cáo điều khiển xe máy biển số 67H3-5384 chở anh Nh đến quán Cà phê “Phương Vy” khu vực Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang khi vào quán bị cáo đi vào nhà vệ sinh rồi đi ra nói với anh Nh đã nhận được chìa khóa và giấy giữ xe, bị cáo đưa cho anh Nh và kêu anh Nh đưa 15.000.000đ tiền chuộc, sau khi nhận tiền xong bị cáo chở anh Nh đến Phòng khám Đa khoa khu vực thị trấn An Châu lấy xe còn bị cáo đi về gửi cho em bị cáo là Cao Thị H 13.000.000đ, còn 2.000.000đ bị cáo đem trả nợ.

Lời trình bày của bị cáo phù hợp lời trình bày của bị hại, người làm chứng và phù hợp nội dung vụ án đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng số 14/CT-VKSCT-HS ngày 24/8-/018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang quyết định truy tố để xét xử bị cáo Cao Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Sau khi phân tích, đánh giá, viện dẫn các tài liệu, chứng cứ, làm cơ sở chứng minh hành vi phạm tội, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh và khung hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, điểm i, điểm s, khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị tuyên bố bị cáo Cao Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xử bị cáo Duyệt mức án từ 01 năm 06 tháng, đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 năm đến 05 năm.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

+ Về vật chứng: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản nên không đề nghị xem xét.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt, không có ý kiến tranh tụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử xử nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm trở về làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai bị hại, người làm chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định bị cáo Cao Văn D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, lén lút trộm chiếc xe mô tô biển số 68D1-382.96, trên xe có chở 01 nắp xi-láp, 01 poly, 01 nhôm mặt nạ máy cày, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối đem đi cất giấu chiếc xe và nói với bị hại đã nhờ người tìm được xe nhưng phải trả tiền chuộc với số tiền là 15.000.000 đồng, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Duyên theo tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội;

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: Do không có tiền tiêu xài và trả nợ nên bị cáo thấy tài sản của bị hại không người trông giữ nên lén lút trộm tài sản là chiếc xe đem đi cất giấu, bị cáo có thủ đoạn tinh vi trong việc tạo tình huống giả để lừa gạt bị hại nhằm chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, làm hoang mang lo lắng cho người sở hữu tài sản. Do đó, nghĩ nên áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi tính chất của việc phạm tội để giáo dục bị cáo răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi giao trả cho bị hại, tại phiên tòa hôm nay các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa

đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, để tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo và xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Biện pháp tư pháp:

- Trách nhiệm dân sự: Các bị hại anh Trần Văn Nh và bà Huỳnh Thị Cẩm B đã nhận lại tài sản và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bà Cao Thị H: Đối với số tiền đã trả dùm cho bị cáo 2.000.000đ, bà không yêu cầu bị cáo trả lại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Cao Văn D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

1/-Tuyên bố bị cáo Cao Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Cao Văn D 01 (một) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2018).

Giao bị cáo Cao Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/-Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Cao Văn D phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2018).

4/ Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo D)

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-THA – TAND tỉnh An Giang;
- CQ CSĐT Công an huyện Châu Thành;
- UBND xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ CHUNG